

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 03-8-2018

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con và
chia tài sản chung khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN - TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đức Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Thùy

Bà Hoàng Hải Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Chung – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đậu Thị L, sinh năm 1981.

- Bị đơn: Anh Giáp Văn P, sinh năm 1975.

Cùng nơi cư trú: T 2, k 8, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Giáp Văn M, sinh năm 1952.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang, Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953;

Nơi cư trú: T 2, k 8, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn - ủy quyền cho ông Giáp Văn M theo giấy ủy quyền lập ngày 29 tháng 6 năm 2018, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2018, bản tự khai, các biên bản trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Đậu Thị L trình bày: Sau một thời gian tìm hiểu, chị và anh Giáp Văn P đăng ký kết hôn ngày 31/8/2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ban đầu khá hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2016, chị phát hiện anh Giáp Văn P đã ngoại tình với người phụ nữ khác, chị đã khuyên ngăn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Từ tháng 7 năm 2017 anh Giáp Văn P đã có con riêng với người phụ nữ đó nên không quan tâm, chăm sóc mẹ con chị và không sống chung với mẹ con chị nữa, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Giáp Thị Quỳnh T, sinh ngày 06/11/2005, hiện nay đang ở với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Về công việc hiện nay chị đang làm nhân viên phòng kinh doanh khách sạn K, địa chỉ: Số 12, đường T, phường C, thành phố L, thu nhập hàng tháng là 8.000.000 đồng.

Về khoản tiền cấp dưỡng: Chị yêu cầu anh Giáp Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng; thời điểm cấp dưỡng từ tháng 02/2018 đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung của vợ chồng: Năm 2012 vợ chồng mua được thửa đất số 162, tờ bản đồ số 3, diện tích 89,6 m² tại T 2, k 8, phường Đ, thành phố L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01436 ngày 21-02-2012 mang tên Giáp Văn P và Đậu Thị L. Đến tháng 7 năm 2013 vợ chồng xây ngôi nhà ba tầng trên toàn bộ diện tích nêu trên. Trong quá trình xây dựng nhà, do chủ thầu nhận khoán bỏ về quê, vợ chồng phải thuê thợ mới hình thức làm công. Vì vậy ngoài việc trông nom, chăm sóc con chung, chị còn phải nấu ăn, nước uống nuôi thợ hàng ngày và chuẩn bị nguyên vật liệu cho thợ thi công và làm các công việc trong nhà. Những ngày có hàng hóa trên cửa khẩu, chị còn tranh thủ đi làm dịch vụ kê khai thủ tục Hải quan cho Công ty xuất nhập khẩu S nên cũng có thu nhập theo chuyến hàng. Ngoài ra vợ chồng cùng đứng ra thế chấp quyền sử dụng đất để vay Ngân hàng C 250.000.000 đồng để chi trả nhân công và mua nguyên vật liệu. Trong quá trình trả nợ Ngân hàng, chị cũng được trực tiếp trả nợ cùng anh Giáp Văn P và đã trả xong trước khi làm đơn ly hôn. Nay chị cho rằng nhà và đất nêu trên được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng tạo dựng được là do có sự hỗ trợ lẫn nhau và công sức đóng góp là ngang nhau. Mặt khác từ năm 2016 cho đến nay anh Giáp Văn P cũng không ở chung ngôi nhà cùng mẹ con chị. Vì quyền lợi của con sau khi ly hôn, chị yêu cầu được quản lý, sử dụng và sở hữu ngôi nhà và có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho anh Giáp Văn P là 1/2 giá trị tài sản.

Bị đơn anh Giáp Văn P trình bày: Về điều kiện, trình tự kết hôn như chị Đậu Thị L trình bày về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn là đúng. Tuy nhiên nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn vợ, chồng anh cho rằng chị Đậu Thị L sinh ra tại Nghệ An, do ảnh hưởng của văn hóa vùng miền nên lối sống không hợp với gia đình anh, mặc dù anh đã cố gắng giúp chị Đậu Thị L thay đổi cách sống nhưng

không thay đổi được. Ngày 20/7/2016, chị Đậu Thị L bỏ nhà đi 15 ngày không rõ lý do, cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh Giáp Văn P thừa nhận đã có con riêng với người phụ nữ khác, nay chị Đậu Thị L yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung của vợ chồng: Anh đồng ý để chị Đậu Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Giáp Thị Quỳnh T và cháu Giáp Thị Quỳnh T cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 02/2018 đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung của vợ chồng: Anh Giáp Văn P thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có tài sản chung là 01 mảnh đất diện tích 89,6 m² tọa lạc tại T 2, k 8, phường Đ, thành phố L.

Riêng ngôi nhà ba tầng được xây dựng trên thửa đất trên anh Giáp Văn P cho là tài sản riêng. Lý do trước khi xây dựng nhà, anh làm dịch vụ kê khai xuất nhập khẩu nên tích lũy được 70.000.000đồng. Từ ngày 02/7/2013, khi xây dựng nhà chị Đậu Thị L chưa có việc làm lại đang đi học thêm tại Trường Trung cấp Tài chính tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình thi công ngôi nhà, anh đứng vay Ngân hàng C 250.000.000 đồng, đến tháng 4/2017 anh đã tự trả xong. Ngoài ra còn vay nhiều lần của bố mẹ anh là ông Giáp Văn M và bà Nguyễn Thị T số tiền 600.000.000đồng. Khi vay không lập giấy tờ và anh cũng không thông báo cho chị Đậu Thị L biết, đến nay anh vẫn chưa trả cho bố mẹ anh, vì vậy anh không đồng ý chia ngôi nhà này. Sau khi ly hôn anh thanh toán cho chị Đậu Thị L 500.000.000 đồng và cho chị Đậu Thị L lưu cư trong thời hạn 6 tháng, đồng thời có nghĩa vụ thanh toán cho ông Giáp Văn M và bà Nguyễn Thị T số tiền 600.000.000 đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* ông Giáp Văn M trình bày:

Trước khi làm nhà năm 2013 tại T 2, k 8, phường Đ, thành phố L, anh Giáp Văn P có về nhà đặt vấn đề vay tiền với ông, bà. Trong quá trình thi công, ông đã cho anh Giáp Văn P vay tiền nhiều lần tổng cộng 600.000.000đồng để mua vật liệu và thanh toán nhân công. Tuy nhiên, khi vay tiền giữa ông và anh Giáp Văn P không làm giấy tờ từ khi cho vay đến nay, ông cũng chưa nhắc cho anh P và chị L biết về khoản tiền vợ chồng ông đã cho vay trên. Nay chị L và anh P ly hôn, ông xác định đó là khoản nợ riêng giữa ông với anh Giáp Văn P và đồng ý để anh Phương có nghĩa vụ thanh toán cho ông, bà số tiền đã vay 600.000.000 đồng.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Các đương sự đã thoản thuận được về quan hệ hôn nhân, về con chung và khoản tiền cấp dưỡng và tài sản chung là diện tích đất 89,6 m² tọa tại T 2, k 8, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; về nợ chung: Không có.

Nợ riêng: Anh Giáp Văn P và ông Giáp Văn M, bà Nguyễn Thị T thừa nhận đã cho vay riêng để làm nhà số tiền 600.000.000 đồng, anh Giáp Văn P có trách nhiệm trả cho ông Giáp Văn M và bà Nguyễn Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã chấp hành theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự về thủ lý vụ án, tiến hành lập hồ sơ, xác định quan hệ pháp luật, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo đúng quy định. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng thành phần, tuân thủ nguyên tắc xét xử, trình tự, thủ tục phiên tòa. Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55; 57; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đậu Thị L và anh Giáp Văn P. Về con chung: Giao con chung là Giáp Thị Quỳnh T, sinh ngày 06/11/2005 cho chị Đậu Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Anh Giáp Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Căn cứ khoản 1 Điều 29; Điều 33; 38, các điểm b, d khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Luật Hôn nhân và gia đình. Giao diện tích 89,6 m² tọa lạc tại T 2, k 8, phường Đ, thành phố L trên đó có 01 (một) ngôi nhà ba tầng tại địa chỉ phía sau ngôi nhà số 146 tại tổ 2, khối 8, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn cho chị Đậu Thị L được sở hữu sau khi thanh toán cho anh Giáp Văn P 1/2 giá trị chênh lệch theo kết quả định giá là 998.572.000 đồng.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con và các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm loại có giá ngạch tương đương với giá trị tài sản mà mình được hưởng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đậu Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Giáp Văn P cư trú tại T 2, k 8, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vì vậy xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho các đương sự; yêu cầu viết bản khai, xác minh tình trạng hôn nhân của nguyên đơn, bị đơn tại nơi cư trú, triệu tập lấy lời khai bổ sung, cung cấp tài liệu chứng cứ và tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xác định quan hệ hôn nhân: Chị Đậu Thị L và anh Giáp Văn P là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ngày 19-6-2018, Tòa án đã mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải. Các đương sự đã thuận tình ly hôn, vì vậy Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đậu Thị L với anh Giáp Văn P.

[4] Về con chung và khoản tiền cấp dưỡng: Chị Đậu Thị L và anh Giáp Văn P đã thỏa thuận được việc nuôi con, khoản tiền cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng, thời điểm cấp dưỡng; quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

[5] Tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 162, tờ bản đồ số 3, diện tích 89,6 m² tại T 2, k 8, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

[6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Nợ riêng: Anh Giáp Văn P với ông Giáp Văn M và bà Nguyễn Thị T thừa nhận cho nhau vay số tiền 600.000.000 đồng để làm nhà tại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 3, diện tích 89,6 m² tại T 2, k 8, phường Đ, thành phố L. Anh Giáp Văn P có trách nhiệm trả cho ông Giáp Văn M và bà Nguyễn Thị T.

[8] Về công trình trên đất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Đậu Thị L vẫn khẳng định thửa đất số 162, tờ bản đồ số 3, diện tích 89,6 m² tại T 2, k 8, phường Đ, thành phố L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01436 ngày 21/02/2012 mang tên Giáp Văn P và Đậu Thị L trên đó có ngôi nhà ba tầng là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Tài sản vợ chồng tạo dựng được là do có sự hỗ trợ lẫn nhau và công sức đóng góp là ngang nhau. Do chị được nuôi con sau khi ly hôn và không có chỗ ở nào khác, nên yêu cầu được quản lý, sử dụng và sở hữu ngôi nhà, chị có nghĩa vụ thanh toán cho anh Giáp Văn P 1/2 giá trị theo kết quả của Hội đồng định giá xác định tổng giá trị tài sản là 1.997.144.000 đồng.

[9] Anh Giáp Văn P cho rằng ngôi nhà ba tầng xây dựng trên diện tích đất 89,6 m² tọa lạc tại T 2, k 8, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn là tài sản riêng của anh.

[10] Xét yêu cầu của Nguyên đơn thấy rằng: Sau khi chị Đậu Thị L và anh Giáp Văn P chuyển lên Lạng Sơn làm ăn do gia đình hai bên nội, ngoại đều ở xa, không có người thân giúp đỡ. Ngoài việc cùng anh Giáp Văn P làm kinh

tế, chị Đậu Thị L phải làm các công việc của gia đình thay anh Giáp Văn P khi làm ăn xa và trông nom, chăm sóc con chung sau khi sinh con. Ngoài ra chị cũng tham gia làm dịch vụ kê khai thủ tục Hải quan cho Công ty xuất nhập khẩu SHENGLI, tuy nhiên chị thừa nhận thu nhập để đóng góp vào khối tài sản chung không được nhiều như anh Giáp Văn P. Để xây dựng ngôi nhà chung, vợ chồng đã thế chấp quyền sử dụng đất vay Ngân hàng C 250.000.000 đồng. Trong quá trình thanh toán chị được đóng góp một phần tiền với anh Giáp Văn P để trả nợ. Vì vậy khẳng định ngôi nhà là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Về công sức đóng góp, thấy rằng anh Giáp Văn P có công sức đóng góp nhiều hơn về nguyên tắc anh Giáp Văn P sẽ được chia nhiều hơn, tuy nhiên lỗi dẫn đến ly hôn là do anh Giáp Văn P đã vi phạm quyền, nghĩa vụ vợ chồng đó là đi ngoại tình với người phụ nữ khác, từ năm 2016 cho đến nay anh cũng không về địa chỉ trên sinh hoạt cùng chị Đậu Thị L và cháu Giáp Thị Quỳnh T. Vì vậy giao chị Đậu Thị L được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu ngôi nhà trên đất và có trách nhiệm thanh toán chênh lệch bằng tiền cho anh Giáp Văn P sau khi ly hôn 1/2 giá trị tài sản tương đương với 998.572.000 đồng là có căn cứ.

[11] Về khoản nợ giữa anh Giáp Văn P và ông Giáp Văn M và bà Nguyễn Thị T: Anh Giáp Văn P và ông Giáp Văn M vẫn thừa nhận đã vay 600.000.000 đồng để làm nhà ngôi nhà ba tầng trên thửa đất số 162, tờ bản đồ số 3; diện tích 89,6 m² anh Giáp Văn P có trách nhiệm trả cho ông Giáp Văn M. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Xác nhận chị Đậu Thị L và anh Giáp Văn P đã thanh toán xong.

[14] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con; các đương sự đều phải chịu án phí dân sự loại có giá ngạch tương đương với phần tài sản mà mình được chia theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để sung Ngân sách nhà nước.

[15] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 55; 81; 82, 83; 84; 29; 33 và 34 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 29; Điều 33, Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 235; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đậu Thị L và anh Giáp Văn P.

2. Về con chung: Giao cho chị Đậu Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Giáp Thị Quỳnh T, sinh ngày 06/11/2005. Anh Giáp Văn P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 02/2018 đến khi con đủ 18 tuổi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Giao cho chị Đậu Thị L quyền quản lý, sử dụng và sở hữu thửa đất số 162, tờ bản đồ số 3, diện tích 89,6 m² tại T 2, k 8, phường Đ, thành phố L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01436 ngày 21/02/2012 mang tên Giáp Văn P và Đậu Thị L. Trên đó có ngôi nhà ba tầng sau khi thanh toán cho anh Giáp Văn P 1/2 giá trị bằng tiền là 998.572.000 đồng (chín trăm chín mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng)

Sau khi bản án có hiệu lực và người được thi hành án làm đơn yêu cầu. Trường hợp người phải thi hành án chậm trả tiền, bao gồm cả khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì phải chịu tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Xác nhận chị Đậu Thị L và anh Giáp Văn P đã thanh toán xong.

5. Về án phí: Chị Đậu Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 41.957.160 đồng án phí dân sự loại có giá ngạch. Tổng cộng là 42.257.160 đồng được trừ vào số tiền 18.900.000 đồng, đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2012/02628 ngày 01/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn. Chị Đậu Thị L còn phải nộp tiếp là 23.357.160 đồng (hai mươi ba triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi đồng)

Anh Giáp Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 41.957.160 đồng án phí dân sự loại có giá ngạch. Tổng cộng là 42.257.160 đồng (bốn mươi hai triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi đồng) để sung Ngân sách nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Thùy- Hoàng Hải Yến

Trương Đức Hải